TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS - ST
Ngày: 10/4/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng

2. Ông Ngô Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc E, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1. Ông Tiền Thanh Đ, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Thu T, sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc E là nguyên đơn trình

bày: Vào ngày 03/8/2020 bà có cho vợ chồng bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ vay số tiền là 100.000.000 đồng. Khi cho vay có làm "Giấy xác nhận nợ" cho bà T và ông Đ ký tên nhận tiền của bà. Các bên thỏa thuận từ ngày 03/8/2020 đến ngày 03/11/2020 trả đủ tiền gốc và lãi suất thỏa thuận là 0,05% tức là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay đến nay bà T và ông Đ không đóng lãi cũng không trả vốn cho bà khoản nào cả.

Ngoài số tiền bà có cho bà T và ông Đ vay của bà là 100.000.000 đồng chưa trả thì bà có cho bà T vay khoản vay khác nhiều lần và có viết giấy biên nhận cho bà T, việc bà T khai ra có vay của bà số tiền 48.000.000 đồng cung cấp kèm theo tờ giấy nợ do bà ghi biên nhận. Bà xác nhận số tiền mà bà cho bà T vay nhiều lần bằng 48.000.000 đồng và bà có viết giấy nợ là có nhưng đây là khoản vay khác; bà T cũng đã trả đủ số tiền này rồi. Số tiền này không liên quan đến số tiền bà T và ông Đ thiếu 100.000.000 đồng hiện đang tranh chấp.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân nhân dân huyện Cầu Kè giải quyết buộc bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vốn là 100.000.000 đồng và yêu cầu cầu trả lãi cho bà bằng là 0,05% tức là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 03/8/2020 cho đến khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thu T trình bày: Vào năm 2019 bà và chồng bà là ông Tiền Thanh Đ có vay của bà Ngọc E nhiều lần với số tiền là 43.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận là 150.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Khi vợ chồng bà vay số tiền này và đóng lãi thì bà Ngọc E ghi giấy cho chúng tôi. Đến tháng 4 năm 2020 chúng tôi đã trả đủ tiền vốn cho bà T, còn thiếu lại 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng nhiều lần bị bà Ngọc E kêu người lạ đến nhà hăm dọa đủ điều. Khi bà vay số tiền 43.000.000 đồng này của bà Ngọc E có ghi giấy, kể cả số tiền lãi bà đóng vào và bà cũng đã nộp giấy cho Tòa án. Mục đích bà khai ra số tiền trên và cung cấp giấy nợ do bà Ngọc E ghi nợ của bà cho Tòa là để chứng minh rằng bà chỉ có thiếu bà Ngọc E 43.000.000 đồng chứ không có thiếu số tiền 100.000.000 đồng như bà Ngọc E kiện vợ chồng bà.

Vào năm 2020 (không nhớ rõ ngày tháng) bà Ngọc E có đến nhà bà vào buổi tối và có đem theo tờ giấy do bà Ngọc E viết sẵn và kêu bà và ông Đ ký tên để xác nhận là bà và ông Đ còn thiếu 10.000.000 đồng tiền lãi (của số tiền gốc 43.000.000 đồng). Khi đó chỉ có một mình bà ở nhà, còn ông Đ ở ngoài vườn bà định kêu ông Đ vô xem nội dung biên nhận nhưng bà Ngọc E hối kêu ký nhanh để về. Phần vì mắt kém, nhìn không rõ chữ và cũng tin tưởng bà Ngọc E nên bà không có đọc lại nội dung "Giấy xác nhận nợ" do bà Ngọc E đưa cho bà nên bà đã trực tiếp ký tên và ghi rõ họ tên Huỳnh Thu T vào "Giấy xác nhận nợ"; còn chữ ký của ông Đ là do bà Ngọc E ký sẵn và bà trực tiếp ghi rõ họ tên ông "Tiền Thanh Đ" vào "Giấy xác nhận nợ". Thực chất bà và ông Đ không có nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà Ngọc E. Do đó, không đồng ý theo yêu cầu của bà Ngọc E.

Bị đơn ông Tiền Thanh Đ trình bày: Ông Đ là chồng bà T, ông thống nhất như lời trình bày của bà T và không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các quy định về áp dụng pháp luật, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc E. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Ngọc E số tiền vay là 100.000.000 đồng. Xét về yêu cầu tính lãi của bà Ngọc E: Theo đơn khởi kiện của bà Ngọc E là chưa phù hợp, do nội dung "Giấy xác nhận nợ" ghi phần lãi suất thỏa thuận là 0,05% nhưng chưa rõ mức lãi suất tính theo mốc thời gian tính lãi nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi là 10%/năm đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về lệ phí và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc E khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ phải trả số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 đồng, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Mặt khác, bà T và ông Đ có hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc E yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 03/8/2020 cho đến khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, bà T và ông Đ không thừa nhận có vay số tiền như bà Ngọc E yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Ngọc E đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là "Giấy xác nhận nợ", có chữ ký và ghi rõ họ tên của bà T và ông Đ. Quá trình

làm việc ban đầu bà T và ông Đ không thừa nhận, chữ ký và chữ viết họ tên của mình trong "Giấy xác nhận nợ". Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã tiến hành hành trưng cầu giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên trong tờ "Giấy xác nhận nợ" do bà Ngọc E cung cấp cho Tòa án và kết quả kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh như sau:

"1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Huỳnh Thu T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Huỳnh Thu T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M6, M7, M8, M9 có phải do cùng một người ký ra không.

2. Chữ viết Huỳnh Thu T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Huỳnh Thu T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M6, M7, M8, M9 do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết Tiền Thanh Đ trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Huỳnh Thu T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M6, M7, M8, M9 do cùng một người viết ra.

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký "Đ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Tiền Thanh Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, M5, M6, M7, M8, M9 có phải do cùng một người ký ra không."

[3] Sau đó, bà T và ông Đ đến Tòa thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong "Giấy xác nhận nợ" là của bà T, do bà T trực tiếp ký và ghi rõ họ tên "Huỳnh Thu T", còn chữ ký tên của ông Đ do bà Ngọc E ký tên sẵn và bà T trực tiếp ghi họ tên "Tiền Thanh Đ". Việc bà T đưa ra lý do là chỉ ký tên xác nhận có thiếu nợ lãi 10.000.000 đồng của khoản nợ khác, chứ không có nhận vay tiền số 100.000.000 đồng nhưng bà T lại không có chứng cứ để chứng minh nên lời khai của bà T không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, bà T là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên bà T phải tự chịu trách nhiệm với các giao dịch dân sự do mình thực hiện. Việc bà T nại ra lý do là chỉ ký tên và ghi rõ tên mình và tên ông Đ là để xác nhận còn nợ tiền lãi cho khoản vay khác chỉ nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngọc E.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy bà T là người trực tiếp ký tên và có nhận vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Ngọc E là có thật.

[5] Ngoài ra, bà Ngọc E còn yêu cầu bà T và ông Đ trả tiền lãi của số tiền vay nêu trên với mức lãi là 0,05% tức là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, tính từ 03/8/2020 đến khi cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án. Xét thấy, bà Ngọc E yêu cầu tính lãi với mức lãi suất nêu trên nhưng trong nội dung của "Giấy xác nhận nợ" bà Ngọc E chỉ ghi "*Lãi suất thỏa thuận là: 0,05%*" nhưng không xác định rõ lãi suất tính lãi theo "năm" hay tính lãi theo "tháng" hoặc tính theo "ngày" mà do bà Ngọc E tự lý giải ra là "*50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng*" là không xác định rõ lãi suất nên không có căn cứ để tính lãi theo quy định lại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, trường hợp này cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất của khoản tiền gốc 100.000.000 đồng bằng 10%/năm từ ngày vay là ngày 03 tháng 8 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định.

[6] Hơn nữa, thời gian bà T và ông Đ vay tiền của bà Ngọc E còn trong thời kỳ hôn nhân; bà T và ông Đ khai mọi thu nhập kinh tế trong gia đình do vợ chồng cùng quản lý chung, cùng chi tiêu chung, công việc làm ăn chung, không có thỏa thuận kinh doanh riêng hay nợ riêng. Do đó, căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới với bà T trả cho bà Ngọc E số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh như đã phân tích nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc E. Buộc bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc E số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi tính từ ngày từ 03 tháng 8 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 08 tháng 07 ngày là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[8] Về chi phí giám định: Căn cứ vào kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh. Xét thấy yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Nguyên đơn bà Ngọc E đã nộp tạm ứng trước là 5.000.000 đồng; Tòa án đã thanh toán xong chi phí giám định là 4.411.980 đồng nên buộc bà T và ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngọc E số tiền là 4.411.980 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền còn lại là 588.020 đồng Tòa án đã hoàn trả cho bà Ngọc E nhận đủ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà T và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và xin được miễn nộp tiền án phí nên bà T được Tòa án chấp nhận miễn án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Ngọc E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Ngọc E số tiền tạm ứng đã nộp.

[10] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Em.

Buộc bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc E số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 36.713.662 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 136.713.662 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thu T và ông Tiền Thanh Đ phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Nguyên đơn bà Ngọc E đã nộp tạm ứng trước là 5.000.000 đồng; Tòa án đã thanh toán xong chi phí giám định là 4.411.980 đồng nên buộc bà T và ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngọc E số tiền là 4.411.980 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền còn lại là 588.020 đồng Tòa án đã hoàn trả cho bà Ngọc E nhận đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Tiền Thanh Đ phải chịu 3.417.841 đồng. Bị đơn bà Huỳnh Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc E số tiền tạm ứng đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 001695 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai